TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ M'GAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/DS-ST
Ngày 28 - 9 - 2021
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Nở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Tha Mlô.

2. Bà Nguyễn Thị Thu Ba.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Đức Đuống – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Dương Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST – DS ngày 22/02/2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ: Số 1xx Tr, phường C, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đình V, chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ- Ngân hàng TMCP B.

Địa chỉ: Số 2xx Ph, phường Th, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hoàng S, chức vụ: Chuyên viên khách hàng - PGD C- Chi nhánh Đ. (có mặt)

Địa chỉ: Số 1x H, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Đặng Văn Kh, sinh năm 196x và bà Phạm Thị Tr, sinh năm 197x. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/5/2019 ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr đã ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD70B201937 với Ngân hàng thương mại cổ phần (Viết tắt: TMCP) B - Chi nhánh Đ- Phòng giao dịch C (Viết tắt là Ngân hàng) vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 31/5/2019 cho đến hết ngày 30/5/2020; Mục đích vay: thanh toán các chi phí liên quan đến chăm sóc cây cà phê và hồ tiêu; lãi suất cho vay 10,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc ngày 30/5/2020; trả nợ lãi: cùng kỳ trả nợ gốc, theo dư nợ thực tế.

Từ ngày vay cho đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Minh Tr chưa trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr và thông báo yêu cầu trả nợ. Ngày 01/8/2021, Ngân hàng đã trừ số tiền 5.161 đồng dư nợ trên tài khoản của bị đơn nên số tiền gốc còn lại hiện nay là 399.994.839 đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ, ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr đã sử dụng tài sản tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số: 37/2019/HĐTC/PGDCUM'GAR ngày 30/5/2019 đã ký giữa ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr với Ngân hàng, các tài sản thế chấp như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 5638xx đối với thửa đất số 6x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 133xx,xm^2, địa chỉ thửa đất: Xã K, huyện C, tỉnh Đdo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 2x/x/20xx cho ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 554.047.791 đồng, trong đó: nợ gốc 399.994.839 đồng, nợ lãi trong hạn 47.818.082 đồng, nợ lãi quá hạn 99.862.860 đồng, lãi phạt chậm trả 6.367.010 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2021;

ông Kh và bà Tr tiếp tục phải chịu lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng và các cam kết ký kết với Ngân hàng cho đến khi tất toán khoản vay; ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Kh, bà Tr không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ vay; trường hợp sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Kh và bà Tr có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành làm việc được với ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đại diện cho nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 399.994.839 đồng và lãi suất phát sinh quy định tại Hợp đồng tín dụng. Nếu ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì sẽ xử lý tài sản bảo đảm.

Về án phí: Ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr cư trú tại thôn x, xã K, huyện C, tỉnh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số nợ: Ngày 30/5/2019 ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr có ký hợp đồng tín dụng số: HĐTD70B201937 với Ngân hàng TMCP B- Chi nhánh Đ - Phòng giao dịch C vay số tiền 400.000.000 đồng; thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày 31/5/2019 cho đến hết ngày 30/5/2020; Mục đích vay: thanh toán các chi phí liên quan đến chăm sóc cây cà phê và hồ tiêu; lãi suất cho vay 10,1%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc ngày 30/5/2020; trả nợ lãi: cùng kỳ trả nợ gốc, theo dư nợ thực tế. Từ ngày vay cho đến kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr chưa trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Ngày 01/8/2021, Ngân hàng đã trừ số tiền 5.161 đồng dư nợ trên tài khoản của bị đơn nên số tiền gốc còn lại hiện nay là 399.994.839 đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr được giao kết hợp pháp nên phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr đã vi phạm nghĩa vụ thánh toán nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt buộc ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr trả nợ số tiền: 554.047.791 đồng, trong đó: nợ gốc 399.994.839 đồng, nợ lãi trong hạn 47.818.082 đồng, nợ lãi quá hạn 99.862.860 đồng, lãi phạt chậm trả 6.367.010 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2021 và tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/9/2021 đến ngày trả xong nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 37/2019/HĐTC/PGDCUM'GAR ngày 30/5/2019 giữa Ngân hàng với ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 5638xx đối với thửa đất số 6x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 133xx,xm^2, địa chỉ thửa đất: Xã K, huyện C, tỉnh Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 2x/x/20xx cho ông Đặng

Văn Kh, bà Phạm Thị Tr đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền, hợp đồng được công chứng đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Sau khi ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr trả nợ xong cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 5638xx đối với thửa đất số 6x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 133xx,xm^2, địa chỉ thửa đất: Xã K, huyện C, tỉnh Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 20/5/2019 cho ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: 20.000.000 đồng + 4% x (554.047.791 đồng - 400.000.000 đồng) = 26.162.000 đồng (đã làm tròn số).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi thu được từ ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Áp dụng các Điều 418; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; các

Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt.

Buộc ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền 554.047.791 đồng, trong đó: nợ gốc 399.994.839 đồng, nợ lãi trong hạn 47.818.082 đồng, nợ lãi quá hạn 99.862.860 đồng, lãi phạt chậm trả 6.367.010 đồng tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2021.

Ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 29/9/2021 theo Hợp đồng tín dụng số HĐTD70B2019xx ngày 3x/x/20xx cho đến khi trả xong nợ.

Sau khi ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr trả xong nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 563 đối với thửa đất số 6, tờ bản đồ số 2, diện tích 133xx,xm^2, địa chỉ thửa đất: Xã K, huyện C, tỉnh Đ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 20/5/2019 cho ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr.

Trường hợp ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 37/2019/HĐTC/PGDCUM'GAR ngày 3x/x/20xx, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 6x, tờ bản đồ số 2x, diện tích 133xx,xm^2, địa chỉ thửa đất: Xã K, huyện C, tỉnh Đntheo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CQ 5638xx do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 2x/x/20xx cho ông Đặng Văn Kh, bà Phạm Thị Tr để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ, ông Kh và bà Tr có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Về án phí: Ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr phải chịu 26.162.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền 11.746.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0019805 ngày 08/02/2021.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr phải chịu 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ khi thu

được từ ông Đặng Văn Kh và bà Phạm Thị Tr.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phùng Thị Nở